

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 10-7-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Rô

Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Phi K sinh ngày 29/11/2000; tại Trà Vinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hoàng P sinh năm 1970 và bà Nguyễn Bích C sinh năm 1971; chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; ngày 28/02/2020 bị cáo bị tạm giữ và chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1/. Ông Mai Chí C sinh năm 1982; trú ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Ông Huỳnh Văn Thanh E sinh năm 1995; trú ấp B, xã T Hòa, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

3/. Ông Bùi Văn Asinh năm 1990; trú tại xóm 16, xã Y, huyện Ý, tỉnh N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/. Ông Phạm K Đ sinh năm 1990; ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 27/02/2020 tại bãi đậu xe Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải thuộc ấp L, xã D, thị xã D bị cáo nảy sinh định trộm cắp xe mô tô Exciter màu trắng đen đỏ, biển số 84M1-05.166 của ông C. Sau đó bị cáo đi vào Công ty FUDONG làm việc, đến khoảng 15 giờ cùng ngày bị cáo bỏ ra ngoài lấy trộm xe của ông C đem về nhà trọ của mình, tháo biển số 84M1-05.166 đem vứt bỏ xuống cầu K. Ngoài ra bị cáo tự khai nhận thêm các lần phạm tội như sau:

- Ngày 12/11/2019 trong lúc đi làm bị cáo lén lúc lấy trộm xe mô tô Winner màu đen, biển số 18B2-16.700 của ông A tại bãi đậu xe trước Nhà máy nhiệt điện D thuộc ấp L, xã, thị xã D. Sau đó bị cáo đem về nhà trọ tháo biển số xe và thay vào biển số xe 59Y1-213.06 (biển số giả mua trên mạng) và vứt bỏ biển số xe 18B2-16.700 xuống kênh.

- Ngày 16/11/2019 bị cáo lén lúc lấy trộm xe mô tô Winner màu đỏ đen, biển số 60B4-706.35 của ông Đ để tại bãi đậu xe trước Nhà máy 2 thuộc ấp L, xã D, thị xã D. Bị cáo đem xe về nhà trọ tháo biển số xe và thay vào biển số xe 59Y1-313.06 (biển số giả mua trên mạng) và đem biển số xe 60B4-706.35 vứt bỏ xuống kênh.

- Đến ngày 06/02/2020 bị cáo lén lúc lấy trộm xe mô tô Exciter màu trắng – đen – đỏ, biển số 84M1-194.31 của ông E tại bãi đậu xe trước công nhà máy 2 ở ấp L, xã D, thị xã D. Sau đó bị cáo đem về nhà trọ, tháo biển số xe gắn vào xe mô tô 60B4-706.35, còn biển số xe 59Y1 – 313.06 thay vào xe Exciter màu trắng – đen – đỏ, biển số 84M1-194.31 của ông E.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 02/3/2020 và số 06/KL-HĐĐG ngày 23/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: tổng giá trị tài sản bị cáo xâm hại là 122.850.000 đồng;

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-HS ngày 09/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Phạm Phi K, về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo K khai nhận: do bị cáo đam mê xe mô tô, thích sưu tầm xe nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là các xe mô tô đem về nhà trọ, thay đổi biển số giả để sử dụng và mang các biển số xe trộm được vứt xuống kênh. Do đó trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 02 năm

2020 tại khu vực bãi đậu xe của Nhà máy nhiệt điện thuộc ấp L, xã D Thành, thị xã D bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô Winner biển số 18B2-16.700 của ông A; xe mô tô Winner biển số 60B-706.35 của ông Đ; xe mô tô Exciter 84M1-194.31 của ông E và xe mô tô Exciter 84M1-05.166 của ông C. Riêng xe mô tô bị cáo lấy của ông E bị cáo cho ông Nguyễn Đăng H mượn sử dụng và ông Hoàng đã để cho con gái lấy đi sử dụng và hiện chưa thu hồi được xe. Bị cáo cũng thống nhất về kết luận định của Hội đồng định giá về tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 122.850.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho ông E giá trị xe mô tô Exciter 84M1-194.31 với số tiền 35.000.000 đồng, riêng tiền mất thu nhập bị cáo không đồng ý.

Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Phi K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Phi K với bị hại ông Huỳnh Văn Thanh E về việc bị cáo bồi thường cho ông Huỳnh Văn Thanh E số tiền 35.000.000 đồng; dành cho bị hại ông Huỳnh Văn Thanh E ở một vụ kiện dân sự khác về yêu cầu bồi thường thất nghiệp 30.800.000 đồng. Về vật chứng: áp dụng Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019, giao cho Đội giao thông Công an thị xã Duyên Hải biển số 84F1-194.31 và biển số giả 59Y1-213.06 để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo Phạm Phi K, bị hại Huỳnh Văn Thanh E và Phạm K Đ thống nhất theo bản luận tội của Kiểm sát viên, không phát biểu ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phạm Phi K nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Phi K tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: trong thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020 tại khu vực bãi đậu xe của Nhà máy nhiệt điện thuộc ấp L,

xã D, thị xã D bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô Winner biển số 18B2-16.700 của ông A; xe mô tô Winner biển số 60B-706.35 của ông Đ; xe mô tô Exciter 84M1-194.31 của ông E và xe mô tô Exciter 84M1-05.166 của ông C. Sau khi lấy tài sản bị cáo đem về nhà trọ của mình thay đổi biển số giả và đổi biển số để sử dụng. Tổng giá trị tài sản bị cáo lấy trộm 122.850.000 đồng.

[2] Bị cáo K là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhận biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, tài sản bị cáo trộm được có tổng giá trị là 122.850.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội. Vì lòng tham muốn có được tài sản của người khác để sử dụng nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp là xe mô tô của nhiều người đem về nhà trọ của mình, đổi biển số giả và thay đổi biển số sử dụng để tránh bị phát hiện của chủ sở hữu. Hành của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác; gây hoang mang trong nhân dân và làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài lần phạm tội bị phát hiện, bị cáo tự khai thêm 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nữa; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 lần, mỗi lần đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, đây là tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, vai trò, vị trí và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn.

[6] Về xử lý vật chứng: Biển số 84F1-194.31 và biển số giả 59Y1-213.06 là vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử giao cho Đội cảnh sát giao thông Công an thị xã Duyên Hải xem xét, xử lý theo quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại ông C, ông A và ông Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên không xem xét. Bị cáo K và bị hại ông E đã thỏa thuận bồi thường giá trị xe mô tô Exciter 84M1-194.31 nên Hội đồng xét xử công nhận và buộc bị cáo K bồi thường cho ông E số tiền 35.000.000 đồng. Về yêu cầu của ông Em buộc bị cáo K bồi thường tiền thất nghiệp do không có phương tiện đi làm với số tiền 30.800.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa bị hại ông E chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thiệt hại, do đó dành cho ông E ở một vụ kiện dân sự khác.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 1.750.000 đồng án phí dân sự.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Phi K phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Phi K 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Phạm Phi K được tính từ ngày tạm giữ ngày 28/02/2020.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019. Giao cho Đội giao thông Công an thị xã Duyên Hải biển số 84F1-194.31 và biển số giả 59Y1-213.06 để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Phi K bồi thường cho bị hại ông Huỳnh Văn Thạnh E số tiền 35.000.000 đồng. Dành cho bị hại ông Huỳnh Văn Thạnh E ở một vụ kiện dân sự khác về việc yêu cầu bị cáo Phạm Phi K bồi thường tiền thất nghiệp số tiền 30.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Phạm Phi K chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000 đồng án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CA thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Truyền